

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

PHIẾU KHẢO SÁT CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Để làm cơ sở cho hoạch định chính sách về đào tạo nghề nghiệp gắn với việc làm đáp ứng thị trường lao động, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Cơ sở GDNN cung cấp thông tin theo bảng hỏi. Chúng tôi cam kết những thông tin cung cấp sẽ được giữ bí mật.

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường:

2. Điện thoại/Fax: Email:

3. Địa chỉ:

B. TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

3. Tình hình tuyển sinh qua các năm?

Đơn vị: Người

		Năm 2018	Dự kiến 2019
1	Sơ cấp		
2	Trung cấp (trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp)		
3	Cao đẳng (cao đẳng nghề, cao đẳng)		
4	Khác		
	Tổng số		

4. Quy mô học viên theo học tại trường phân theo cấp trình độ và nghề đào tạo?

Đơn vị: Người

Tên nghề (Phụ lục đính kèm)	31/12/2018			Dự kiến 2019		
	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)

5. Số học viên tốt nghiệp theo cấp trình độ và nghề đào tạo?

Đơn vị: người

Tên nghề (Phụ lục đính kèm)	Năm 2017			Năm 2018		
	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)

6. Số lượng học viên dự kiến tuyển sinh chia theo nghề và cấp trình độ đào tạo?

Đơn vị: người

Tên nghề (Phụ lục đính kèm)	Năm 2020			Năm 2021			Năm 2022		
	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)

7. Tỷ lệ học viên có việc làm sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp?

Đơn vị: %

Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019

8. Tỷ lệ học viên học các nghề trọng điểm có việc làm sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp?

Đơn vị: Người

Tên nghề (Phụ lục đính kèm)	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019

C. GIÁO VIÊN

9. Số lượng nhà giáo đạy chuyên môn nghề của các nghề trọng điểm chia theo trình độ đào tạo?

Đơn vị: Người

Tên nghề (Phụ lục đính kèm)	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Khác

10. Số lượng nhà giáo đạt chuẩn đạy chuyên môn nghề của các nghề trọng điểm chia theo chuyên môn/ngành nghề?

Đơn vị: Người

Tên nghề (Phụ lục đính kèm)	Nghề vụ sư phạm	Tin học	Ngoại ngữ	Kỹ năng nghề

D. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

11. Mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất đối với các nghề trọng điểm theo chuẩn danh mục thiết bị giáo dục nghề nghiệp?

Tên nghề (Phụ lục đính kèm)	Số lượng		Chất lượng	
	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt

E. HỢP TÁC VỚI DOANH NGHIỆP

12. Nhà trường có quan hệ hợp tác với doanh nghiệp không?

1. Có ☐ 2. Không ☐

Nếu “Có”, xin cho biết? (Ghi theo thứ tự ưu tiên, với 1 là hình thức hợp tác được sử dụng nhiều nhất)

Hình thức hợp tác	Thứ tự	Nghề hợp tác (Phụ lục đính kèm)
Phối hợp với doanh nghiệp xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo		
Phối hợp với doanh nghiệp xây dựng chuẩn đầu ra; danh mục ngành, danh mục thiết bị đào tạo		
Gửi học viên thực tập tại doanh nghiệp (DN)		
Phối hợp với doanh nghiệp đánh giá kết quả học tập của người học		
Tiếp nhận lao động đến học		
Mời cán bộ của doanh nghiệp đến giảng dạy		
Cử nhà giáo đến tham quan, thực tập tại DN		
Cung cấp thông tin về năng lực đào tạo cho DN		
Liên kết tổ chức đào tạo với doanh nghiệp		
Sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị được DN hỗ trợ		
Chia sẻ chi phí trong hoạt động đào tạo		
Hình thức khác:		

13. Theo ý kiến của nhà trường, những nghề nào mà thị trường lao động sẽ có nhu cầu tuyển dụng cao trong các năm tới? (Gồm cả các nghề khác ngoài Phụ lục đính kèm, Đánh dấu “X” vào ô lựa chọn)

Tên nghề (Phụ lục đính kèm)	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022

14. Để lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP đáp ứng tốt hơn với yêu cầu công việc, cơ sở có những đề xuất gì?

.....

.....

.....

.....

.....

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của Cơ sở!

Đại diện Cơ sở giáo dục nghề nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)